FireAnt

CTCP Quốc tế Holding (UPCOM: LMH)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	800
SL cổ phiếu LH	25,629,995
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,150
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26
P/E	-4.4
EPS	-227

	YTD	1T	3T	6T
LMH	11.1%	11.1%	11.1%	-9.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

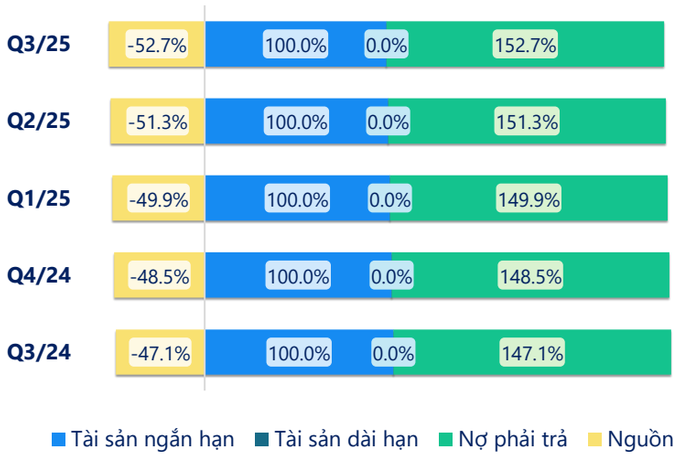

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

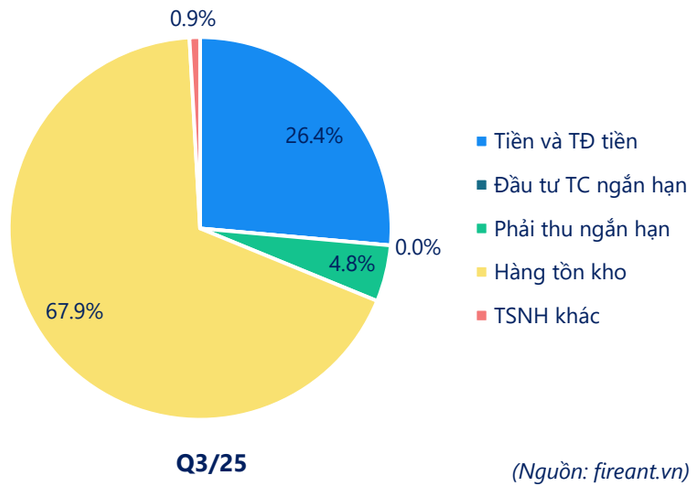

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

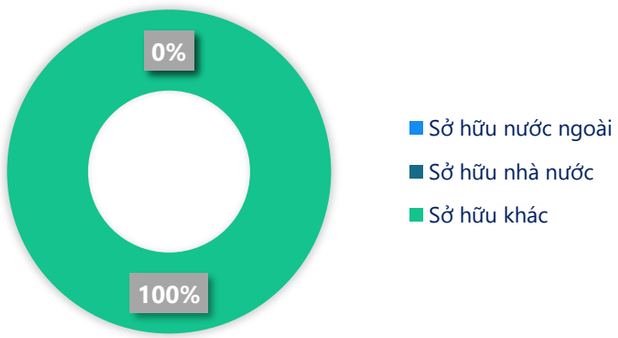

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

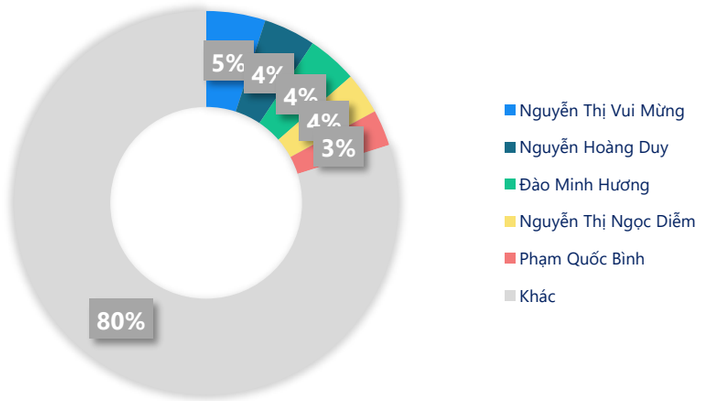

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

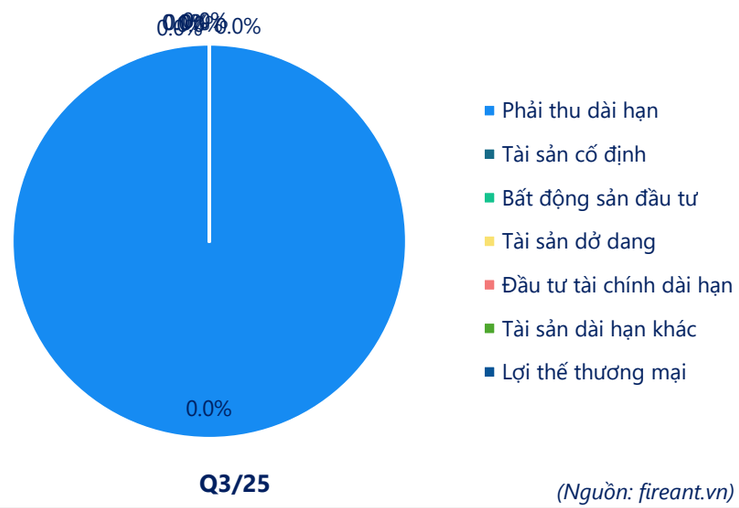

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Quốc tế Holding (UPCOM: LMH)

Tiền và tương đương tiền

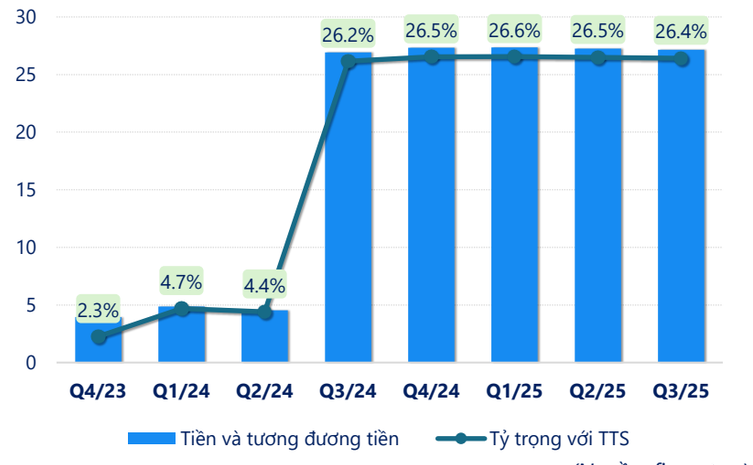

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

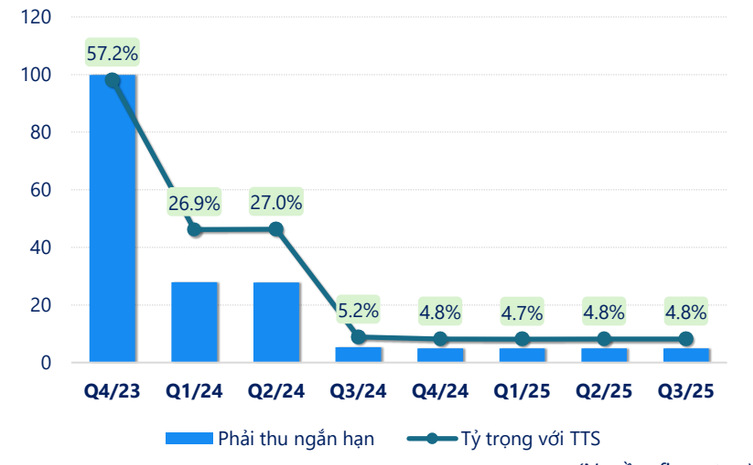

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

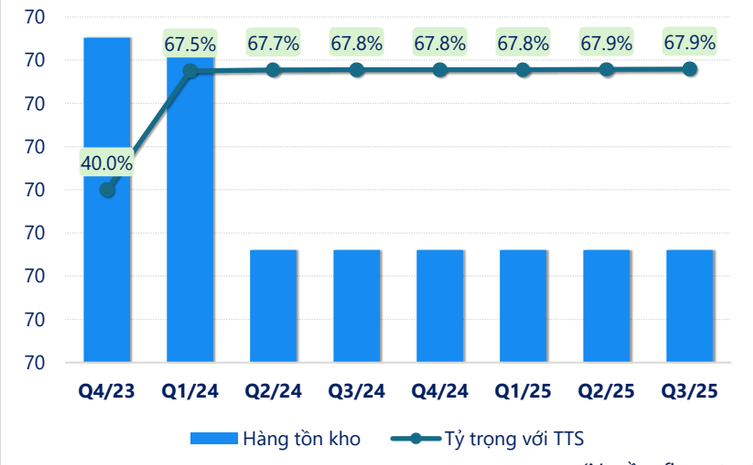

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

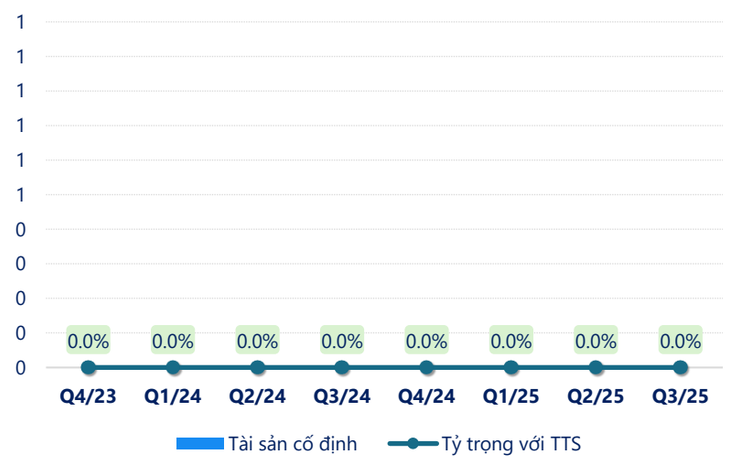

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

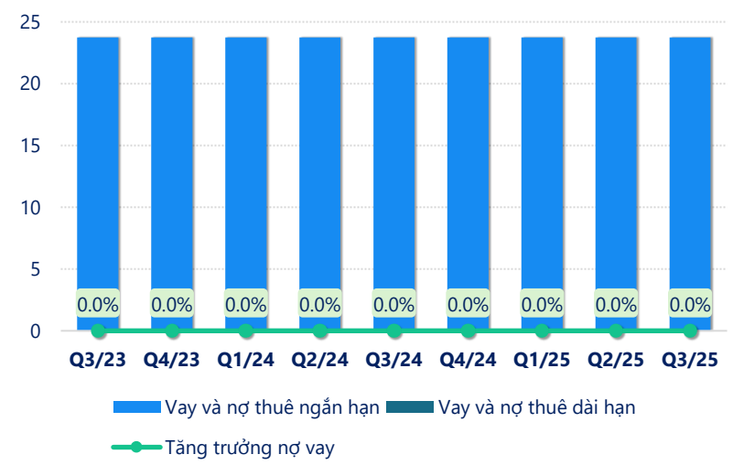

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

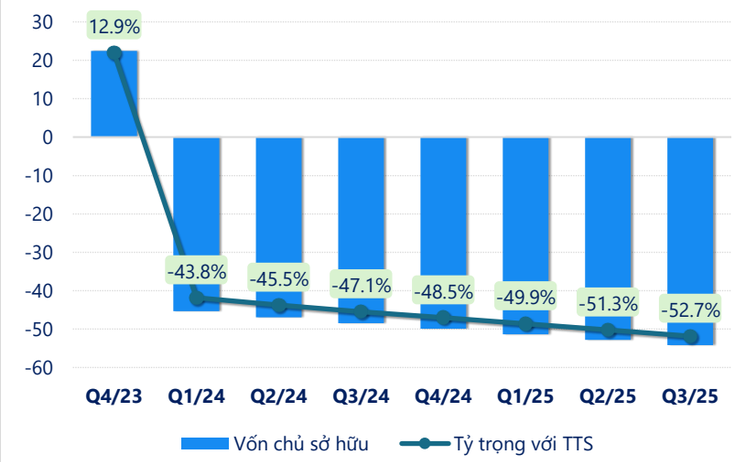

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Quốc tế Holding (UPCOM: LMH)

Kết quả kinh doanh

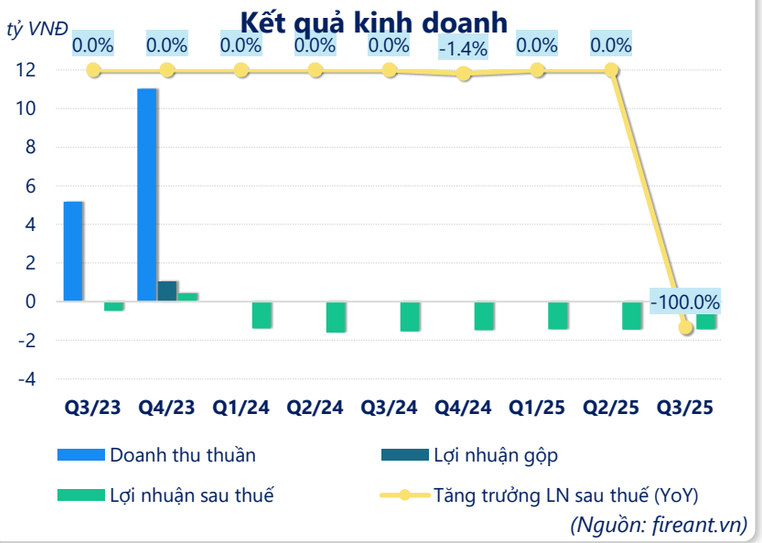

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

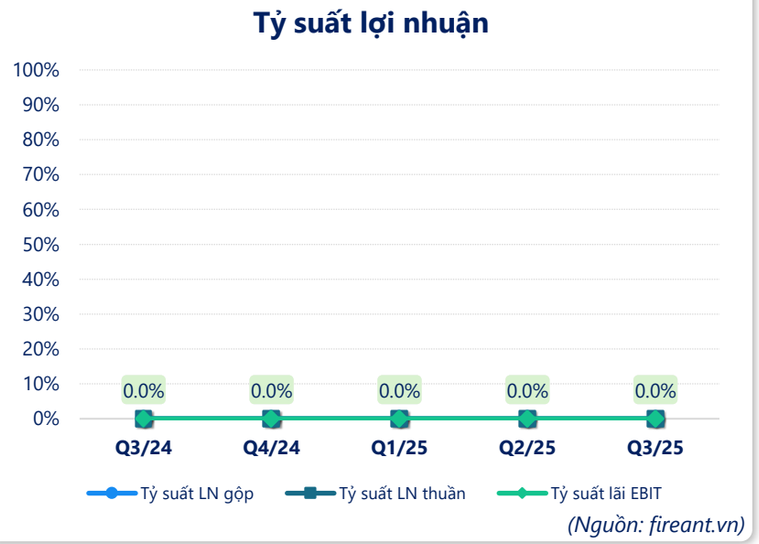

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

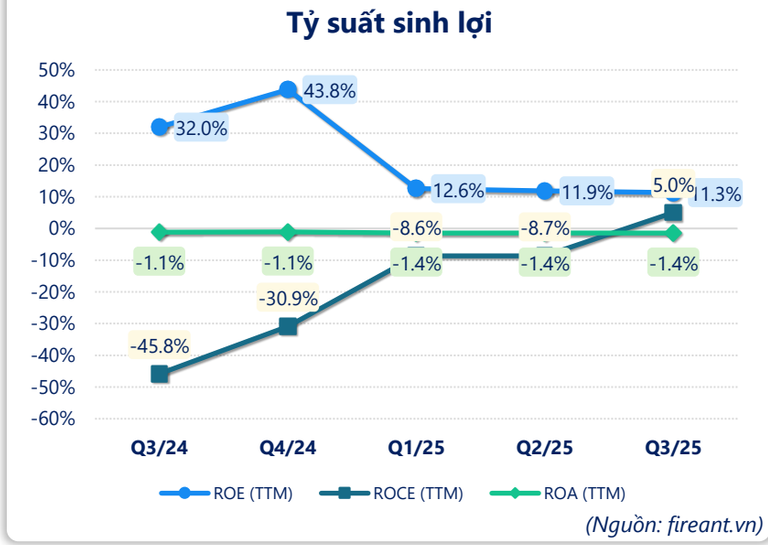

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

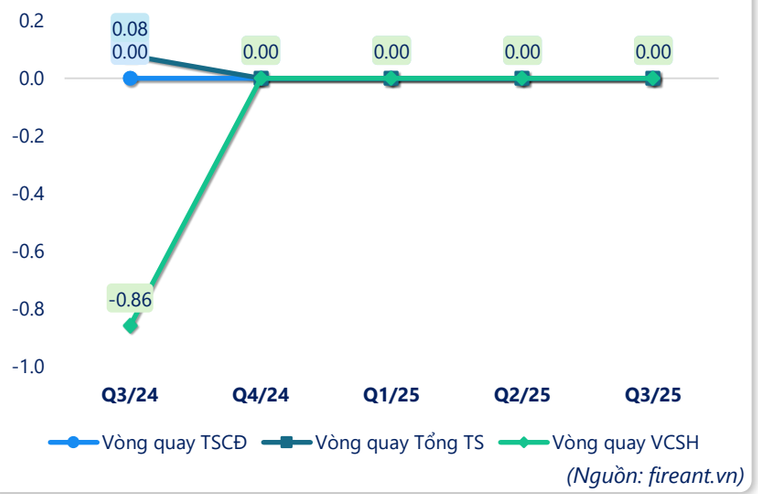

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

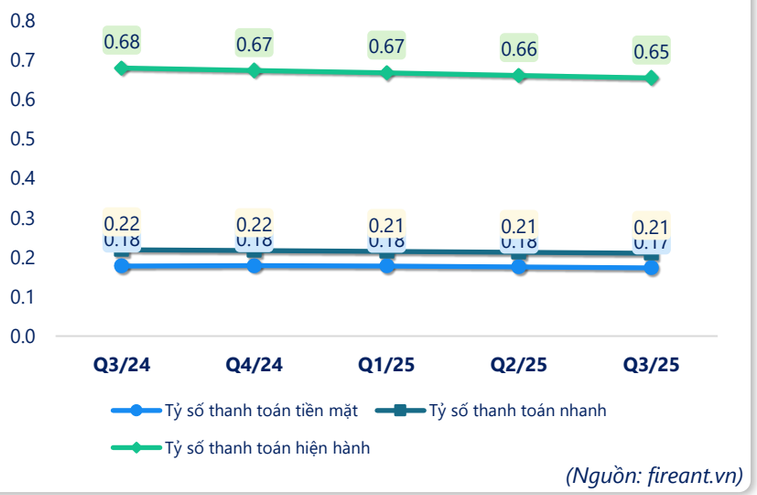

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

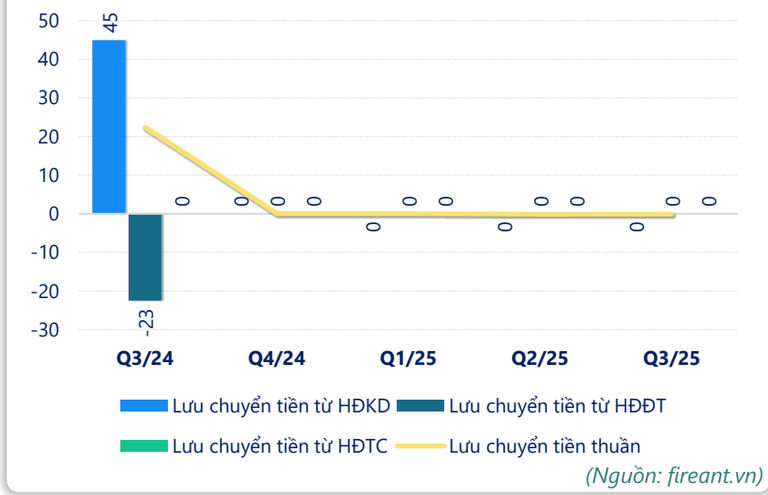

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Quốc tế Holding (UPCOM: LMH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**103**	**103**	**-0.2%**
Tài sản ngắn hạn	103	103	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	27.2	27.3	-0.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.91	4.88	0.6%
Hàng tồn kho	69.8	69.8	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.92	0.91	0.2%
Tài sản dài hạn	**0.00**	**0.00**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	157	153	2.7%
Nợ ngắn hạn	**157**	**153**	**2.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.8	23.8	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	87.8	87.7	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-54.2**	**-49.9**	**-8.7%**
Vốn chủ sở hữu	**-54.2**	**-49.9**	**-8.7%**
Vốn điều lệ	256	256	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.86	0.81	1.37	0.80	0.81
Chi phí lãi vay	7.81	0.81	0.79	0.80	0.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.08	0.07	0.07	0.07	0.04
LN thuần từ HĐKD	-0.94	-0.88	-1.44	-0.87	-0.85
Lợi nhuận khác	-0.59	-0.59	0	-0.58	-0.59
LN trước thuế	-1.53	-1.46	-1.44	-1.45	-1.44
Lợi nhuận sau thuế	-1.55	-1.48	-1.44	-1.45	-1.44
LNST của CĐ cty mẹ	-1.55	-1.48	-1.44	-1.45	-1.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.9	0	-0.01	-0.09	-0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.5	0	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	4.54	0	27.3	27.3	27.3
Lưu chuyển tiền thuần	**22.4**	**0**	**0.00**	**-0.09**	**-0.10**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.9	0	27.3	27.3	27.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic